

Số: 01/2026/QĐST-HNGĐ

Ninh Bình, ngày 17 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Bùi Thị Ngọc Bích.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình tham gia phiên họp: Ông Đỗ Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17/07/2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 209/2026/TLST-VDS ngày 09 tháng 06 năm 2026 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 47/2026/QĐST-VDS ngày 08 tháng 07 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Chị Ngô Thị Thu H, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn T1, xã Y2, tỉnh Ninh Bình.

2. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Ngô Văn N, sinh năm 1984;

- Anh Ngô Văn T, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Thôn T1, xã Y2, tỉnh Ninh Bình.

- Ủy ban nhân dân xã Y2, tỉnh Ninh Bình;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn P, sinh năm 1984 - Chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân xã Y2, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Bùi Văn P: Ông Nguyễn Công T - Chức vụ Phó chủ tịch UBND xã Y2, tỉnh Ninh Bình. (Theo văn bản uỷ quyền lập ngày 26/06/2026).

3. **Người làm chứng:** Chị Trần Thị T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn T1, xã Y2, tỉnh Ninh Bình.

Theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 24/6/2026 của Hội đồng nhân dân xã Y2, tỉnh Ninh Bình thành lập thôn Đ trên cơ sở nhập toàn bộ thôn T1, thôn T2 và thôn H kể từ ngày 01/7/2026.

Tại phiên họp: Chị H, anh N, anh T, ông P, chị T vắng mặt (Có đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án chị Ngô Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Ngô Văn N được tự do tìm hiểu và tự nguyện làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc xã Y2, tỉnh Ninh Bình theo quy định của pháp luật. Ngày 25/01/2018 chị và anh Ngô Văn N đã được UBND xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định cũ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số XX - 2018 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống tại địa phương. Trên Giấy chứng nhận kết hôn số XX - 2018, do anh N sử dụng tên và ngày tháng năm sinh của anh trai anh N là Ngô Văn T, sinh ngày XX/XX/1982 đi làm thủ tục đăng ký kết hôn nên tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn thể hiện: Họ tên chồng là Ngô Văn T, sinh ngày XX/XX/1982 và họ tên vợ là Ngô Thị Thu H, sinh ngày XX/XX/1997. Việc anh Ngô Văn N sử dụng tên của anh trai Ngô Văn T để thực hiện các thủ tục hành chính và làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị, chị không hề hay biết. Trong thời gian chung sống chị và anh N sinh được 02 con chung là Ngô Thị Hải Y, sinh ngày XX/XX/2018 và Ngô Đăng K, sinh ngày XX/XX/2020. Do anh N vẫn sử dụng giấy chứng nhận kết hôn để đi đăng ký khai sinh cho các con nên trên giấy khai sinh của cháu Y và cháu K đều thể hiện họ tên mẹ là Ngô Thị Thu H, họ tên bố là Ngô Văn T. Thực tế cháu Y và cháu K là con chung của chị và anh Ngô Văn N trong thời kỳ chung sống với nhau. Năm 2023, qua việc rà soát hồ sơ và xác minh của công an xã Y1, huyện Y (cũ) đã phát hiện ra việc anh N sử dụng tên của anh trai Ngô Văn T, sinh năm 1982 để làm các thủ tục hành chính. Sau đó, anh N đã làm lại hết giấy tờ tùy thân mang tên mình là Ngô Văn N, sinh ngày XX/XX/1984. Tuy nhiên, điều này lại không đồng nhất với các giấy tờ tùy thân khác của cá nhân chị và các con chung, làm ảnh hưởng đến các hoạt động giao dịch hành chính, kinh tế của các thành viên gia đình chị. Do vậy, chị yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị - Ngô Thị Thu H và anh Ngô Văn N theo giấy chứng nhận kết hôn số XX - 2018 do Ủy ban nhân dân xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định cũ - nay là UBND xã Y2, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 25/01/2018 do anh N đã lấy thông tin của anh trai là Ngô Văn T (sử dụng tên giả Ngô Văn T) để đăng ký kết hôn với chị.

Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung là Ngô Thị Hải Y, sinh ngày XX/XX/2018 và Ngô Đăng K, sinh ngày XX/XX/2020. Chị H đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn N trình bày:

Anh họ tên thật là Ngô Văn N, sinh ngày XX/XX/1984 theo giấy khai sinh gốc số XXX cấp ngày 10/06/2020 của UBND xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định cũ là chính xác. Anh có anh trai tên là Ngô Văn T, sinh ngày XX/XX/1982; do anh T đã ký kết hợp đồng đi xuất khẩu lao động nhưng sau đó bị tai nạn nên không thể đi làm được nên anh đã lấy thông tin cá nhân gồm họ và tên, ngày tháng năm sinh của anh T để đi làm căn cước công dân và thay anh T đi xuất khẩu lao động để tránh bị huỷ bỏ hợp đồng đã ký kết. Năm 2017, anh quen biết chị Ngô Thị Thu H, sinh năm 1997 địa chỉ xã Y3, huyện Y, tỉnh Nam Định (cũ). Sau một thời gian tìm hiểu anh và chị H quyết định kết hôn vào ngày 25/01/2018 tại UBND xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định cũ - nay là xã Y2, tỉnh Ninh Bình và được UBND xã Y1 cấp Giấy chứng nhận kết hôn số XX/2018. Do anh vẫn sử dụng Căn cước công dân mang tên anh trai Ngô Văn T để làm thủ tục kết hôn với chị H nên trong giấy chứng nhận kết hôn thể hiện họ tên chồng là Ngô Văn T, sinh ngày XX/XX/1982 và họ tên vợ là Ngô Thị Thu H, sinh ngày XX/XX/1997.

Trong thời gian chung sống anh và chị H sinh được 02 con chung là Ngô Thị Hải Y, sinh ngày XX/XX/2018 và Ngô Đăng K, sinh ngày XX/XX/2020. Do thiếu hiểu biết, anh vẫn sử dụng giấy chứng nhận kết hôn, căn cước công dân mang tên anh T để đăng ký khai sinh cho các con nên trên giấy khai sinh của cháu Y và cháu K đều thể hiện họ tên mẹ là Ngô Thị Thu H, sinh ngày XX/XX/1997, họ tên bố là Ngô Văn T, sinh ngày XX/XX/1982. Anh xác định các cháu Y và cháu K đều là con chung của anh và chị H, không có tranh chấp về con chung với anh T.

Ngày 10/06/2020, anh đã được UBND xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định cũ cấp Giấy Khai sinh (bản gốc); Ngày 11/08/2023, anh được cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp lại căn cước công dân mang tên thật của anh là Ngô Văn N, sinh ngày XX/XX/1984, số căn cước công dân X1.

Nay chị H yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị H theo giấy chứng nhận kết hôn số XX-2018 do UBND xã Y1 cấp ngày 25/01/2018 anh nhất trí và đề nghị Tòa án hủy kết hôn cho anh chị theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Ngô Thị Hải Y, sinh ngày XX/XX/2018 và Ngô Đăng K, sinh ngày XX/XX/2020. Anh N đồng ý giao cả 02 con chung cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi hủy việc kết hôn trái pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn T trình bày:

Anh và anh Ngô Văn N, sinh năm 1984 là hai anh em ruột. Anh sử dụng tên thật Ngô Văn T, sinh ngày XX/XX/1982 để kết hôn với chị Trần Thị T, sinh năm 1985 ngày 03/6/2008 tại UBND xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định cũ theo giấy chứng nhận kết hôn số XX quyền 01 năm 2008. Anh và chị T có với nhau 03 người con chung là Ngô Quang H, sinh ngày XX/XX/2009; Ngô Đại H, sinh ngày XX/XX/2012 và Ngô Gia H, sinh ngày XX/XX/2023. Ngoài ra anh không còn người con nuôi, con riêng nào khác.

Anh không biết việc anh Ngô Văn N sử dụng giấy tờ nhân thân của anh để làm căn cước công dân và đăng ký kết hôn vào năm 2018 với chị Ngô Thị Thu H. Hiện nay anh N đã làm lại giấy tờ tùy thân của mình mang tên Ngô Văn N, sinh ngày XX/XX/1984 có số căn cước công dân X1.

Nay chị Ngô Thị Thu H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình hủy kết hôn trái pháp luật với anh Ngô Văn N - đã được UBND xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định cũ cấp giấy chứng nhận kết hôn số XX-2018 ngày 25/01/2018, anh hoàn toàn nhất trí đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị H.

Ngoài ra, anh xác định các cháu Ngô Thị Hải Y, sinh ngày XX/XX/2018 và Ngô Đăng K, sinh ngày XX/XX/2020 là con chung của anh N và chị H trong thời kỳ chung sống với nhau. Giữa anh với anh N, chị H không có tranh chấp về con nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Y2, tỉnh Ninh Bình trình bày:

Ông Ngô Đăng T và bà Vũ Thị S sinh được 05 người con trai và 01 người con gái trong đó có anh Ngô Văn T sinh ngày XX/XX/1982 và anh Ngô Văn N sinh ngày XX/XX/1984. Năm 2017 anh Ngô Văn N lấy thông tin cá nhân của anh trai – Ngô Văn T bao gồm họ và tên, ngày tháng năm sinh để làm căn cước công dân số X2 ngày cấp 11/7/2017. Sau đó anh N dùng căn cước công dân này để đăng ký kết hôn với chị Ngô Thị Thu H, sinh ngày XX/XX/1997 và được UBND xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định cũ, nay là UBND xã Y2 tỉnh Ninh Bình cấp giấy chứng nhận kết

hôn số XX-2018 (ngày 25/01/2018). Anh N sau đó dùng giấy chứng nhận đăng ký kết hôn này cùng căn cước công dân để đăng ký khai sinh cho 02 con chung với chị H là cháu Ngô Thị Hải Y, sinh ngày XX/XX/2018 và cháu Ngô Đăng K, sinh ngày XX/XX/2020.

Việc anh Ngô Văn N lấy toàn bộ thông tin họ và tên, ngày tháng năm sinh, số căn cước công dân của anh trai là Ngô Văn T để đăng ký kết hôn, đăng ký khai sinh cho các con chung với chị Ngô Thị Thu H địa phương không biết nên vẫn tiến hành thực hiện các thủ tục hành chính đăng ký kết hôn, đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã Y2: Đề nghị Tòa án Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Ngô Văn N và chị Ngô Thị Thu H theo giấy chứng nhận kết hôn số XX - 2018 do Ủy ban nhân dân xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định cũ, nay là UBND xã Y2, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 25/01/2018 do anh N đã lấy thông tin cá nhân của anh trai là Ngô Văn T để đăng ký kết hôn, vi phạm điều cấm của luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh N và chị H có 02 con chung là cháu Ngô Thị Hải Y, sinh ngày XX/XX/2018 và cháu Ngô Đăng K, sinh ngày XX/XX/2020. Giữa anh N, chị H và anh T, chị Trần Thị T (vợ anh T) không có tranh chấp gì về con chung.

Người làm chứng chị Trần Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Ngô Văn T ngày 03/6/2008 tại UBND xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định (cũ) theo giấy chứng nhận kết hôn số XX quyền 01 năm 2008. Chị và anh T có với nhau 03 người con chung là Ngô Quang H, sinh ngày XX/XX/2009; Ngô Đại H, sinh ngày XX/XX/2012 và Ngô Gia H, sinh ngày XX/XX/2023. Ngoài ra chị không còn người con nuôi, con riêng nào khác.

Chị không biết việc anh Ngô Văn N - em trai anh Ngô Văn T sử dụng thông tin cá nhân của chồng chị để làm căn cước công dân và đăng ký kết hôn vào năm 2018 với chị Ngô Thị Thu H. Hiện nay anh N đã làm lại giấy tờ nhân thân của mình mang tên Ngô Văn N, sinh ngày XX/XX/1984 có số căn cước công dân X1.

Nay chị Ngô Thị Thu H yêu cầu Tòa án huỷ kết hôn trái pháp luật với anh Ngô Văn N đã được UBND xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định cũ cấp giấy chứng nhận kết hôn số XX-2018 ngày 25/01/2018, chị hoàn toàn nhất trí đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị H.

Ngoài ra, chị xác định các cháu Ngô Thị Hải Y, sinh ngày XX/XX/2018 và Ngô Đăng K, sinh ngày XX/XX/2020 là con chung của anh N và chị H trong thời kỳ chung sống với nhau. Giữa chị với anh N, chị H không có tranh chấp về con nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Ninh Bình tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý việc dân sự, tiến hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Tại phiên họp: Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật; Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 370 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; khoản 6 Điều 3; điểm b, c khoản 2 Điều 5; điểm d, khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC –BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 37 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị Ngô Thị H về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Ngô Văn N, sinh năm 1984 (sử dụng tên giả Ngô Văn T, sinh năm 1982) và chị Ngô Thị Thu H sinh năm 1997 đã được UBND xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định cũ - Nay là UBND xã Y2, tỉnh Ninh Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn số XX-2018 ngày 25/01/2018.

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cả 02 con chung là Ngô Thị Hải Y, sinh ngày XX/XX/2018 và Ngô Đăng K, sinh ngày XX/XX/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị xem xét giải quyết.

Anh N, chị H có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cải chính thông tin trong giấy khai sinh và các giấy tờ tùy thân khác đối với các con chung của anh chị và cá nhân anh chị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Ngô Thị Thu H không phải chịu lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Chị Ngô Thị Thu H có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị - Ngô Thị Thu H và anh Ngô Văn N theo giấy chứng nhận kết hôn số XX - 2018 do Ủy ban nhân dân xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định cũ, nay là UBND xã Y2, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 25/01/2018 nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm g khoản 2 Điều 39 bộ luật Tổ tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật:

Anh Ngô Văn T sinh năm 1982 và anh Ngô Văn N sinh năm 1984 là anh em ruột. Năm 2018 anh N sử dụng tên anh trai mình là Ngô Văn T để kết hôn với chị Ngô Thị Thu H sinh năm 1997 địa chỉ xã Y3, huyện Y, tỉnh Nam Định cũ, nay là xã Y2, tỉnh Ninh Bình. Khi thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn với chị Ngô Thị Thu H tại UBND xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định (cũ) thì anh N đã sử dụng giấy tờ nhân thân và làm thủ tục kết hôn theo quy định dưới tên anh trai là Ngô Văn T; trong khi anh Ngô Văn T trước đó đã đăng ký kết hôn với chị Trần Thị T sinh năm 1985 và được UBND xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định (cũ), nay là xã Y2, tỉnh Ninh Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn số XX quyền 01 năm 2008.

Như vậy việc kết hôn giữa anh Ngô Văn N dưới tên Ngô Văn T, sinh ngày XX/XX/1982 và chị Ngô Thị Thu H được UBND xã Y1 thực hiện ngày 25/01/2018 tại giấy chứng nhận kết hôn số XX-2018 là kết hôn giả tạo do anh Ngô Văn N thực hiện dưới tên Ngô Văn T là người đang có vợ với chị Ngô Thị Thu H đã vi phạm điều cấm quy định tại điểm a và c khoản 2 Điều 5 và vi phạm điều kiện kết hôn quy định tại điểm d Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó chị Ngô Thị Thu H yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Ngô Văn N được UBND xã Y1 thực hiện ngày 25/01/2018 tại giấy chứng nhận kết hôn số XX-2018 để đăng ký kết hôn lại đúng quy định của pháp luật là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về việc giải quyết hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

- Chị Ngô Thị Thu H và anh Ngô Văn N phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Quá trình sống chung chị Ngô Thị Thu H và anh Ngô Văn N có 02 con chung là Ngô Thị Hải Y sinh ngày XX/XX/2018 và Ngô Đăng K, sinh ngày XX/XX/2020. Giữa chị H, anh N và anh T, chị T đều xác định cháu Y và cháu K là con chung của chị Ngô Thị Thu H và anh Ngô Văn N. Do không có tranh chấp giữa chị H, anh N và anh T, chị T trong việc xác định cha con đối với cháu Y và cháu K, theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật hôn nhân gia đình; Luật hộ tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 việc xác định cha con đối với các cháu sẽ được thực hiện tại cơ quan hành chính có thẩm quyền là UBND xã Y2, tỉnh Ninh Bình. Anh N, chị H có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cải chính thông tin trong giấy khai sinh và các giấy tờ tùy thân khác đối với các con chung của anh chị và cá nhân anh chị theo quy định của pháp luật. Giao cả 02 con chung là cháu Y và cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi hủy việc kết hôn trái pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân xã Y2, tỉnh Ninh Bình thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch liên quan đến việc Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Ngô Thị Thu H và anh Ngô Văn N. Thực hiện việc cải chính thông tin trong giấy khai sinh và các giấy tờ tùy thân khác đối với các con chung của anh N, chị H và cá nhân anh chị khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Ngô Thị Thu H không phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Thu H, anh Ngô Văn N, anh Ngô Văn T, UBND xã Y2, tỉnh Ninh Bình có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 371, Điều 372 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 29; điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Căn cứ khoản 6 Điều 3; điểm b, c khoản 2 Điều 5; điểm d, khoản 1 Điều 8; Điều 10; Điều 11; Khoản 1 Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Ngô Thị Thu H. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Ngô Văn N (sử dụng tên giả Ngô Văn T) và chị Ngô Thị Thu H theo giấy chứng nhận số XX-2018 quyền số 01 ngày 25/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã Y1, huyện Y, tỉnh Nam Định cũ, nay là xã Y2, tỉnh Ninh Bình.

2. Hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

Chị Ngô Thị Thu H và anh Ngô Văn N phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung là Ngô Thị Hải Y, sinh ngày XX/XX/2018 và Ngô Đăng K, sinh ngày XX/XX/2020. Giao cả 02 con chung cháu Y và cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi hủy việc kết hôn trái pháp luật. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N, chị H có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cải chính thông tin trong giấy khai sinh và các giấy tờ tùy thân khác đối với cháu Ngô Thị Hải Y sinh ngày XX/XX/2018 và Ngô Đăng K, sinh ngày XX/XX/2020 và cá nhân anh chị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã Y2, tỉnh Ninh Bình thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch liên quan đến việc Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Ngô Thị Thu H và anh Ngô Văn N. Thực hiện việc cải chính thông tin trong giấy khai sinh và các giấy tờ tùy thân khác đối với các con chung của anh N, chị H và cá nhân anh chị khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Ngô Thị Thu H không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Ngô Thị Thu H tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền ký hiệu BLTU/26E, số XXXX ngày 09/06/2026 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND KV8 – Ninh Bình;
- Thị hành án tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Y2, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Bùi Thị Ngọc Bích